

**DANH SÁCH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ HIỆN BỊ CÔNG SẢN**  
**GIÀM GIỮ TẠI U-MÌNH XÃ ĐÔNG THÁI AN BIÊN KIẾN GIANG**

| SỐ<br>T | HỌ VÀ TÊN         | CẤP ĐỘC           | CHỨC VỤ                 | Ngày bị<br>giảm giữ | Cước chú. |
|---------|-------------------|-------------------|-------------------------|---------------------|-----------|
| 1       | HUYỀNH NGOC LUONG | Đại lý Cảnh sát   | Chỉ Huy Trưởng Quân     | 6-5-1975            |           |
| 2       | NGUYỄN VIỆT PHUOC | - nt -            | Trung Tâm Trưởng TT TV  | - nt -              |           |
| 3       | LÊ VĂN ĐỨC        | - nt -            | Trưởng Ban Tâm lý chiến | - nt -              |           |
| 4       | TRINH UNG HAI     | - nt -            | Trưởng phòng kỹ thuật   | - nt -              |           |
| 5       | ĐOÀN VĂN THOI     | - nt -            | Chỉ Huy phó đặc Biệt Tm | - nt -              |           |
| 6       | PHAM NGOC LONG    | - nt -            |                         | - nt -              |           |
| 7       | TRẦN QUANG KHANH  | Đại lý Quân đội   | Hội đồng Tỉnh           | - nt -              |           |
| 8       | DANH BAP          | - nt -            | Trưởng Ban I Chi Khu    | - nt -              |           |
| 9       | LÂM PHUOC NGHIA   | - nt -            |                         | - nt -              |           |
| 10      | LÂM QUANG NGHI    | - nt -            |                         | - nt -              |           |
| 11      | PHAM VĂN THUAN    | Trung lý Cảnh sát | Trưởng Cuộc             | - nt -              |           |
| 12      | TRẦN VĂN RÓT      | - nt -            | - nt -                  | - nt -              |           |
| 13      | VÕ VĂN NỮA        | - nt -            | Chỉ Huy Phó Quân        | - nt -              |           |
| 14      | LÂM CHỦ TẤN       | - nt -            | Phụ tá đặc Biệt Quân    | - nt -              |           |
| 15      | VUONG HOANG THAI  | - nt -            | Trưởng Cuộc             | - nt -              |           |
| 16      | TRẦN VĂN NGOC     | - nt -            | Chỉ Huy Phó Quân        | - nt -              |           |
| 17      | TẶNG VĂN NGOC     | - nt -            | - nt -                  | - nt -              |           |
| 18      | ĐÀO HỮU TUNG      | - nt -            | Chỉ Huy Trưởng Quân     | - nt -              |           |
| 19      | CÁI MINH TÂM      | Trung lý Quân đội |                         | - nt -              |           |
| 20      | ĐANG VĂN BỐN      | - nt -            | Trưởng Chi lý Tế Quân   | - nt -              |           |
| 21      | PHAM VIỆT TRIEU   | - nt -            | Chỉ huy kiêm Tân        | - nt -              |           |
| 22      | NGUYỄN SỬ SINH    | Thiếu lý Cảnh sát | Trưởng tá nhân viên     | - nt -              |           |
| 23      | TRUONG CONG VI    | - nt -            | Phụ tá đặc Biệt Quân    | - nt -              |           |
| 24      | TRẦN KIM NGÂN     | - nt -            | - nt -                  | - nt -              |           |
| 25      | LÂM TẤN CHAU      | - nt -            | - nt -                  | - nt -              |           |
| 26      | PHAM VĂN CHINH    | - nt -            | Trung Tâm kiêm Văn thư  | - nt -              |           |
| 27      | CAO HONG CHAU     | Thiếu lý Cảnh sát | - nt -                  | - nt -              |           |
| 28      | ĐÀO VĂN THAO      | Thiếu lý Cảnh sát | Phụ tá đặc Biệt Quân    | - nt -              |           |
| 29      | BUI VĂN TÂM       | Trung lý Cảnh sát | Trưởng Cuộc             | - nt -              |           |
| 30      | PHAM VĂN NÈ       | Trung lý I        | Kiểm dịch viên          | - nt -              |           |
| 31      | NGO QUANG TRUONG  | Trung lý R        |                         | - nt -              |           |
| 32      | LUU QUÝ TUNG      | Thiếu lý          | Quân Cảnh               | - nt -              |           |
| 33      | LÊ VĂN RẮC        | Đội lý kiêm chánh | Phó thị xã              | - nt -              |           |
| 34      | LÂM VĂN HOANG     | Trưởng Ty         | Trung Tâm Cải huấn      | - nt -              |           |
| 35      | DUONG VAN TRIEN   |                   | Cán bộ lương gia        | - nt -              |           |

|    |       |       |       |               |                        |        |
|----|-------|-------|-------|---------------|------------------------|--------|
| 36 | DƯƠNG | VÂN   | MƯỜI  | Trung tá      | Phan 2 Tiểu Khu        | 6-5-75 |
| 37 | MÃ    | TUÂN  | ĐẠT   |               | Chủ tịch Tỉnh Bộ VNQĐĐ | -at-   |
| 38 | HÀ    | NGOC  | LINH  |               | Giáo sư                | -at-   |
| 39 | ĐANH  |       | XEM   |               | Trưởng Ty Hiến vụ      | -at-   |
| 40 | ĐANG  | HIỀN  | NHƠN  |               | Xã Trưởng Phó có Đền   | -at-   |
| 41 | TRẦN  | THÁI  | PIA   |               | Xã Trưởng An Hòa       | -nt-   |
| 42 | HÀ    | QUANG | PHÓ   | Giáo Trung tá |                        | -nt-   |
| 43 | NGÔ   | VÂN   | QUANG |               | Trưởng Ấp.             | -nt-   |
| 44 | TRẦN  | THANH | HUONG |               | Phó Ty Chiêu Hồi       | -nt-   |
| 45 | CÁI   | KIM   | ĐU    | Trung tá QĐ   |                        | -at-   |

Sikew, July 3rd 1985

Nguyen Dong

Smith D. H. Vietnam's Loss.  
Chairman.

TẠI TỈNH KIẾN GIANG (U-MINH.)

